

Số: 3126/TB-ĐHHP

Hải Phòng, ngày 23 tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc Tuyển dụng viên chức
Trường Đại học Hải Phòng đợt 2 năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 1876/KH-ĐHHP ngày 22/5/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng về việc tuyển dụng viên chức của Trường Đại học Hải Phòng năm 2026;

Căn cứ Công văn số 3017/SNV-CCVC ngày 05/6/2026 của Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng về việc phúc đáp Văn bản số 1877/ĐHHP-TCCB&PC ngày 22/5/2026 của Trường Đại học Hải Phòng về việc tuyển dụng viên chức năm 2026;

Trường Đại học Hải Phòng thông báo tuyển dụng viên chức đợt 2 năm 2026 như sau:

1. Số lượng người cần tuyển dụng: 94 người

2. Vị trí, số lượng việc làm cần tuyển dụng

2.1 Vị trí việc làm cần tuyển dụng:

Tuyển 70 người vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp ngành/chuyên ngành giáo dục đào tạo (giảng viên đại học).

Tuyển 24 người vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung.

2.2 Số lượng vị trí cần tuyển dụng: 6 vị trí cụ thể tại Phụ lục kèm theo thông báo.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển

3.1 Tiêu chuẩn chung

a) Về tin học: Có khả năng sử dụng được công nghệ thông tin tương đương với chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản thể hiện bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;

- Có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên các ngành/nhóm ngành liên quan đến công nghệ thông tin;

- Có bằng tốt nghiệp chuyên môn có xác nhận của cơ sở đào tạo về chuẩn đầu ra tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo thông



tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

b) Về ngoại ngữ: Sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, thể hiện bằng một trong các văn bằng, chứng chỉ hoặc xác nhận của cơ sở đào tạo công nhận đạt trình độ ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, cụ thể như sau:

- Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

- Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm) ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc đương nhiên được công nhận theo quy định của pháp luật.

- Có chứng chỉ ngoại ngữ ở trình độ bậc 3 hoặc tương đương bậc 3 trở lên khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

- Có bằng tốt nghiệp chuyên môn chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định có giá trị tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn về ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển hoặc có bằng tốt nghiệp chuyên môn có xác nhận của cơ sở đào tạo về chuẩn đầu ra.

c) Riêng đối với vị trí việc làm giảng viên đại học phải có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học.

3.2 Tiêu chuẩn cụ thể

Tiêu chuẩn cụ thể: được ghi tại phụ lục kèm theo thông báo.

3.3 Điều kiện đăng ký dự tuyển

Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- a) Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- b) Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có đơn đăng ký dự tuyển;
- d) Có lý lịch rõ ràng;
- đ) Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ hành nghề hoặc có năng khiếu kỹ năng phù hợp với vị trí việc làm;
- e) Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;
- g) Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm;

3.4. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức

- a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

3.5 Đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

d) Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân: Được cộng 1,5 điểm vào kết quả vòng 2.

Trường hợp người dự xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2.

4. Hình thức, nội dung, thời gian và địa điểm tuyển dụng viên chức

4.1 Hình thức tuyển dụng viên chức: Xét tuyển viên chức theo nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

4.2 Nội dung tuyển dụng viên chức:

a) Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

Nếu không có văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ phù hợp thì Hội đồng xét tuyển tổ chức sát hạch để đánh giá năng lực ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng.

b) Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

- Hình thức thi: Vấn đáp

- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

- Thời gian thi: Vấn đáp 30 phút (thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị, không tính vào thời gian thi)

- Thang điểm: 100 điểm.

4.3 Thời gian tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển

- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên Báo Hải Phòng, cổng thông tin điện tử của Trường Đại học Hải Phòng <http://dhhp.edu.vn> và niêm yết tại trụ sở làm việc của Trường số 171 Phan Đăng Lưu, phường Phù Liễn, thành phố Hải Phòng.

- Nhận trực tiếp Phiếu đăng ký dự tuyển vào giờ hành chính các ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần tại Phòng Tổ chức, Cán bộ và Pháp chế, Phòng 108, nhà A3, Trường Đại học Hải Phòng, số 171 Phan Đăng Lưu, phường Phù Liễn, thành phố Hải Phòng hoặc gửi theo đường bưu chính (kèm theo 02 phong bì, tem ghi rõ tên người nhận, số điện thoại, địa chỉ để nhận các thông tin tuyển dụng).

Phiếu đăng ký dự tuyển theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ

4.4 Thời gian và địa điểm tổ chức xét tuyển

- Thời gian tổ chức xét tuyển dự kiến: tháng 9/2026.

- Địa điểm: Trường Đại học Hải Phòng, số 171 Phan Đăng Lưu, phường Phù Liễn, thành phố Hải Phòng.

- Điện thoại liên hệ: 0818565866.

5. Lệ phí dự tuyển: Theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TTBTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Báo Hải Phòng;
- Cổng thông tin điện tử Trường ĐHHP;
- Niêm yết công khai tại trụ sở Trường ĐHHP;
- ĐU, HT, PHT;
- Lưu: VT, TCCB&PC

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS Trần Quốc Tuấn



PHỤ LỤC

VỊ TRÍ VIỆC LÀM, SỐ LƯỢNG, TIÊU CHUẨN TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI PHÒNG ĐỢT 2 NĂM 2026

(kèm theo Thông báo số 3126 TB-ĐHHP ngày 23/7/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng)

TT	Vị trí việc làm	Số lượng tuyển dụng	Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	Ghi chú
I	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	24		
1.	Kế hoạch, tài chính kế toán	3	Có trình độ Đại học trở lên thuộc một trong các nhóm ngành/ngành: Kinh tế, Quản lý kinh tế, kế toán	Làm việc tại Phòng Kế hoạch Tài chính
2.	Thư viện viên	3	Có trình độ Đại học trở lên thuộc một trong các nhóm ngành/ngành thông tin - thư viện hoặc tốt nghiệp đại học trở lên nhóm ngành/ngành khác có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp ngành/chuyên ngành thông tin - thư viện	Làm việc tại Trung tâm Thông tin thư viện
3.	Công nghệ thông tin	3	Có trình độ Đại học trở lên thuộc một trong các nhóm ngành/ngành: máy tính, công nghệ thông tin	Làm việc tại Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số
4.	Quản lý ký túc xá	5	Có trình độ Đại học trở lên thuộc một trong các nhóm ngành/ngành: Tài chính ngân hàng, quản lý kinh tế, Kinh tế, kế toán, giáo dục thể chất	Làm việc tại Trung tâm Phục vụ và Nội trú



TT	Vị trí việc làm	Số lượng tuyển dụng	Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	Ghi chú
5.	Trợ lý khoa	10	Có trình độ Đại học trở lên thuộc một trong các nhóm ngành/ngành: Ngôn ngữ Việt Nam, nông học, khoa học giáo dục, hóa học, quản lý kinh tế, điện tử viễn thông, quản lý giáo dục, kế toán, quản trị kinh doanh, công nghệ thông tin, Việt Nam học, vật lý	
5.1	Khoa Toán và Khoa học tự nhiên	1		
5.2	Khoa Công nghệ thông tin	1		
5.3	Ngữ văn và KHXH	1		
5.4	Khoa Công nghệ và Kỹ thuật	1		
5.5	Khoa Ngoại ngữ	2		
5.6	Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	3		01 chuyên viên làm việc tại Trung tâm Nghiên cứu và Khởi nghiệp sáng tạo
5.7	Khoa Kế toán Tài chính	1		
II	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp ngành/ chuyên ngành giáo dục đào tạo	70		
6.	Giảng viên đại học			
6.1	Giảng viên Khoa Toán và Khoa học tự nhiên	3	Có trình độ Thạc sỹ trở lên thuộc một trong các nhóm ngành/ngành: Toán học, Vật lý chất rắn	
6.1.1	Giảng viên Toán	2	Có trình độ Thạc sỹ trở lên thuộc nhóm ngành/ngành: Toán học	

TT	Vị trí việc làm	Số lượng tuyển dụng	Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	Ghi chú
6.1.2	Giảng viên Khoa học tự nhiên (Lý)	1	Có trình độ Thạc sỹ trở lên thuộc nhóm ngành/ngành: Vật lý chất rắn	
6.2	Khoa Ngữ văn và KHXH	5	Có trình độ Thạc sỹ trở lên thuộc một trong các nhóm ngành/ngành: Văn học nước ngoài, Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Ngôn ngữ học, Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử, lịch sử thế giới, lịch sử Việt Nam	
6.2.1	Giảng viên Văn	4	Có trình độ Thạc sỹ trở lên thuộc một trong các nhóm ngành/ngành: Văn học nước ngoài, Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn, Văn học Việt Nam, Văn học dân gian, Ngôn ngữ học	
6.2.2	Giảng viên Khoa học xã hội (Sử)	1	Có trình độ Thạc sỹ trở lên thuộc một trong các nhóm ngành/ngành: Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử, lịch sử thế giới, lịch sử Việt Nam	
6.3	Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non	11	Có trình độ Thạc sỹ trở lên thuộc một trong các nhóm ngành/ngành: Khoa học giáo dục, Toán học, Mỹ thuật, Mỹ thuật ứng dụng, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn mỹ thuật.	
6.3.1	Giảng viên Toán	3	Có trình độ Thạc sỹ trở lên thuộc nhóm ngành/ngành: Khoa học giáo dục, Toán học	
6.3.2	Giảng viên Tự nhiên, Xã hội, Công nghệ	2	Có trình độ Thạc sỹ trở lên thuộc nhóm ngành/ngành: Khoa học giáo dục	
6.3.3	Giảng viên Mầm non	2	Có trình độ Thạc sỹ trở lên thuộc nhóm ngành/ngành: Giáo dục Mầm non, khoa học Giáo dục	
6.3.4	Giảng viên Mỹ thuật	3	Có trình độ Thạc sỹ trở lên thuộc một trong các nhóm ngành/ngành: Khoa học giáo dục, Mỹ thuật, Mỹ thuật ứng dụng, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn mỹ thuật	

TT	Vị trí việc làm	Số lượng tuyển dụng	Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	Ghi chú
6.3.5	Giảng viên Âm nhạc	1	Có trình độ Thạc sỹ trở lên thuộc nhóm ngành/ngành: Khoa học giáo dục	
6.4	Khoa Chính trị, Tâm lý và Giáo dục thể chất	16	Có trình độ Thạc sỹ trở lên thuộc một trong các nhóm ngành/ngành: Giáo dục thể chất, Thể dục, thể thao, Khoa học giáo dục, Giáo dục học, Huấn luyện giáo dục thể dục, 03 Thạc sỹ trở lên một trong các ngành/nhóm ngành Tâm lý học, Công tác xã hội, 04 Thạc sỹ trở lên một trong các ngành/nhóm ngành Luật (Luật hiến pháp và hành chính, Luật Kinh tế, Luật Hình sự và tố tụng hình sự), Luật dân sự và tố tụng dân sự, 04 Thạc sỹ trở lên ngành/nhóm ngành: Kinh tế chính trị, Triết học, Khoa học chính trị, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	
6.4.1	Giảng viên Giáo dục thể chất	5	Có trình độ Thạc sỹ trở lên thuộc một trong các nhóm ngành/ngành: Giáo dục thể chất, Thể dục, thể thao, Khoa học giáo dục, Giáo dục học, Huấn luyện giáo dục thể dục	
6.4.2	Giảng viên Tâm lý học	2	Thạc sỹ trở lên một trong các ngành/nhóm ngành Tâm lý học, Công tác xã hội,	
6.4.3	Giảng viên Công tác xã hội	1		
6.4.4	Giảng viên Luật	4	Thạc sỹ trở lên một trong các ngành/nhóm ngành Luật (Luật hiến pháp và hành chính, Luật Kinh tế, Luật Hình sự và tố tụng hình sự), Luật dân sự và tố tụng dân sự	
6.4.5	Giảng viên Kinh tế chính trị	1	Thạc sỹ trở lên nhóm ngành/nhóm ngành: Kinh tế chính trị	
6.4.6	Giảng viên Triết học	2	Thạc sỹ trở lên ngành/nhóm ngành Triết học	
6.4.7	Giảng viên Lịch sử Đảng/Tư tưởng Hồ Chí Minh	1	Thạc sỹ trở lên ngành/nhóm ngành Khoa học chính trị, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	
6.5	Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh	16	Có trình độ Thạc sỹ trở lên thuộc một trong các nhóm ngành/ngành: Kinh tế học, Kinh doanh và quản lý, Tài	

TT	Vị trí việc làm	Số lượng tuyển dụng	Tiêu chuẩn trình độ chuyên môn	Ghi chú
			chính - Ngân hàng, Quản trị - quản lý, Quản lý công nghiệp (Logistics và quản lý chuỗi cung ứng), Quản lý xây dựng (Kinh tế xây dựng), Nông nghiệp (Khoa học cây trồng, Kinh doanh nông nghiệp, Kinh tế nông nghiệp), Dịch vụ vận tải (Kinh tế vận tải, Khai thác vận tải)	
6.6	Khoa Kế toán Tài chính	8	Có trình độ Thạc sỹ trở lên thuộc một trong các nhóm ngành/ngành: Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính và Đầu tư	
6.7	Trung tâm Giáo dục quốc phòng và An ninh	11	Có trình độ Đại học trở lên thuộc một trong các ngành/nhóm ngành: Giáo dục quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng, Giáo dục học	
	Tổng cộng	94		